

Bản án số 201/2018/HC-PT

Ngày 15/6/2018

V/v “*kiếu kiện quyết định giải
quyết đơn khiếu nại tranh chấp
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Ông Hoàng Thanh Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:*
Ông Nguyễn Văn Đức- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở 2 – Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 546/2017/TLPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc “*kiếu kiện quyết định giải quyết đơn khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 34/2017/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 729/2018/QĐPT-HC ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Huỳnh Viết T, sinh năm 1957; (có mặt)

Địa chỉ: Số 10 đường L1, khu phố 2, phường L2, thành phố M, tỉnh Bình Dương;

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M (vắng mặt)

Địa chỉ: số 01 đường L4, phường L3, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Trọng A – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M. (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: số 10 đường L1, khu phố 2, phường L2, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

2/ Bà Lê Thị Ngọc A1 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 30 đường L5, khu phố 5, phường L2, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo, kháng nghị:*

+ Người khởi kiện, ông Huỳnh Viết T.

+ Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo trình bày của người khởi kiện ông Huỳnh Viết T:

Khoảng năm 1977 – 1978, khi gia đình ông Huỳnh Viết T và gia đình bà Nguyễn Thúy D mua đất thì đã có con đường mòn bên cạnh nhà trẻ Đoàn Thị L6. Năm 1990, gia đình bà L7 mua đất và cất nhà lên lồi đi chung nên làm cho gia đình ông T và gia đình bà D không có đường vào nhà. Do đó, hai nhà đã mua đất và làm chung con đường từ nhà trẻ Đoàn Thị L6 vào tới nhà bà D. Đoạn đường đó ông T và bà D đồng ý cho các hộ gia đình lân cận đi nhờ kể cả người dân sống trong các nhà trọ của các gia đình trên. Riêng đoạn đường từ nhà bà D đến nhà ông T, ông T đã mua thêm hai mương đất của ông T1 có giấy tay do ông Nguyễn Văn K (nay là Bí thư phường P1) ký tên xác nhận. Một phần đất, ông T làm đường đi 3 mét, phần đất còn lại ông T trồng cây tầm vông và tràm làm mốc ranh giới đất. Ngày 10/10/2007, ông T làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có tiến hành đo đạc thực tế. Ngày 07/01/2008, Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố M) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H32099 cho hộ ông Huỳnh Viết T.

Sau đó, bà Lê Thị Ngọc A1 ngụ tại số 30 đường Đường L5, khu phố 5, phường L2 có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân thành phố M khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H32099 ngày 07/01/2008 cho ông Huỳnh Viết T, thửa 158, tờ bản đồ 29-3 đã cấp chồng lên đường đi của các hộ dân.

Ông T có giấy tờ hợp pháp về việc nhận quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân phường P1 xác nhận; quản lý sử dụng đất một thời gian dài không ai tranh chấp, khiếu nại. Ông T và bà Lê Thị Ngọc A1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có tranh chấp, khiếu nại về việc chồng lấn đất thì phải được tiến hành hòa giải cơ sở theo quy định tại Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Trường hợp hòa giải không thành thì Tòa án là cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Như vậy, Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Viết T

là trái pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông Huỳnh Viết T.

Từ những cơ sở trên, người khởi kiện ông Huỳnh Viết T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vấn đề sau: Hủy Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Viết T, ngụ tại số 10 Đường L1, khu phố 2, phường L2, thành phố M, tỉnh Bình Dương (lần đầu).

Theo trình bày của người đại diện ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M – Ông Bùi Minh T2:

Trước đây, bà Lê Thị Ngọc A1 gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố M về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H32099 ngày 07/01/2008 cho ông Huỳnh Viết T thửa đất số 158, tờ bản đồ 29-3 đã cấp chồng lên đường đi của các hộ dân.

Quá trình thẩm tra, xác minh trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H32099 ngày 07/01/2008, thửa đất số 158, tờ bản đồ 29-3, diện tích 117m² cho ông Huỳnh Viết Thắng đã được các ngành chức năng tham mưu và kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố M giao Thanh tra thành phố M thẩm tra việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H32099 ngày 07/01/2008 cho ông Huỳnh Viết T theo quy định tại điểm b, c, khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Căn cứ kết luận của Thanh tra thành phố M tại Báo cáo số 08/BC-TTr ngày 13/01/2016, Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Thông báo số 121/TB-UBND ngày 25/3/2016 về việc thẩm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H32099 ngày 07/01/2008 cấp cho ông Huỳnh Viết T theo hướng thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cấp trái quy định pháp luật.

Không đồng ý với nội dung thông báo trên, ông Huỳnh Viết T có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân thành phố M khiếu nại Thông báo số 121/TB-UBND ngày 25/3/2016.

Trong quá trình giải quyết đơn của bà Lê Thị Ngọc A1 khiếu nại việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H32099 ngày 07/01/2008 cho ông Huỳnh Viết T chồng lần đất của bà A1 và các hộ dân, Ủy ban nhân dân thành phố M đã tổ chức mời ông Huỳnh Viết T đến làm việc nhiều lần nhưng ông T không đến dự như thư mời, chỉ có vợ ông T là bà Nguyễn Thị Thuý H đến dự và làm việc vào ngày 21/8/2015; tại các buổi đo đạc ngày 27/8/2015 và ngày 07/9/2015 thì gia đình ông Huỳnh Viết T cũng không đến dự như thư mời, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường L2. Do vậy, việc ông Huỳnh Viết T cho rằng không xác định được người kiện là ai, kiện với nguyên nhân gì, đồng thời cho rằng các cơ quan chức năng khi tiến hành giải quyết vụ việc không tổ chức hòa giải và đo đạc, xác minh hiện trạng thực tế thửa đất là không đúng.

Theo trình bày của ông Huỳnh Viết T thì thửa đất số 158, tờ bản đồ 29-3 và phần đường đi 3m X 35m còn lại do ông T mua lại của ông Nguyễn Văn T1 vào

năm 1990, qua xem xét tờ uỷ quyền sử dụng đất làm đường đi ngày 10/3/1990 với ông Nguyễn Văn T1 thì việc ông Huỳnh Viết T mua diện tích 170m² (5 X 34m) dùng để làm lối đi (thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ 29-3, loại đất giao thông), và được Ủy ban nhân dân xã P1 (nay là phường L2) xác nhận ngày 14/3/1990 thống nhất cho ông T sử dụng vào việc mở đường.

Tại đơn ngày 27/9/2007, ông Huỳnh Viết T cũng xác định mua đất để làm đường đi và đồng ý cho các hộ ông (bà) Nguyễn Văn N, Phạm Nữ Minh V1, Huỳnh Sinh V2 cùng sử dụng chung, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường L2 về chữ ký của ông T và các hộ dân cùng sử dụng lối đi do ông T tự mở.

Như vậy, có thể xác định ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị K1 vào năm 1990 lần lượt có nhượng quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Viết T phần diện tích 170m² (5 x 34m) và phần diện tích 94,05m² (1,5m x 62,7m), đều có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P1 (nay là phường L2) việc nhượng đất chỉ sử dụng vào mục đích mở đường. Năm 2007, ông T đã hợp thức hóa một phần đường đi nêu trên và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 158, tờ bản đồ 293, diện tích 117m² có cạnh phía Bắc ngang 2,7m, cạnh phía Nam ngang 4m, phần còn lại giáp cạnh phía Đông là đường đi ngang 3m dài 35m, diện tích khoảng 105m².

Căn cứ theo bản trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố M lập ngày 06/10/2015 thể hiện số liệu chiều ngang thửa đất số 158, tờ bản đồ 29-3 cộng với đường đất ngang 3m có tổng chiều ngang là 5,4m - 5,5m, là có chồng lấn một phần thửa đất số 71, loại đất vườn (hiện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 739.QSĐĐ ngày 28/9/2004 cho bà Lê Thị Ngọc A1) và một phần thửa đất số 78, tờ bản đồ 29-3 là loại đất giao thông.

Do vậy Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Thông báo số 121/TB-UBND ngày 25/3/2016 về việc thẩm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H32099 ngày 07/01/2008 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) M cấp cho ông Huỳnh Viết T trái quy định của pháp luật là phù hợp.

Từ những cơ sở nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 về việc bác đơn khiếu nại của ông Huỳnh Viết T đối với Thông báo số 121/TB-UBND ngày 25/3/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố M là phù hợp quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Thống nhất với trình bày của người khởi kiện ông Huỳnh Viết T về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hủy Quyết định số 3125/QĐ- UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Viết T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc A1 trình bày:

Bà Lê Thị Ngọc A1 là chủ sử dụng thửa đất số 57 (103), 70, 71 tờ bản đồ số 29-3 diện tích 1.246,3 m², đất tọa lạc tại khu 2, phường L2, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Bà A1 được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố M) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 739.QSDĐ ngày 28/9/2004 đối với thửa đất nêu trên để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Đến ngày 01/10/2004, bà A1 lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng diện tích 160 m² để sử dụng vào mục đích đất ở và được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) M cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Bà A1 đã nộp đầy đủ tiền thuế sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Thửa đất của bà A1 có cạnh hướng Đông giáp đường giao thông rộng 5,69m. Bà A1 đã sử dụng con đường này để làm đường đi vào đất từ trước đến nay. Nhưng ông Huỳnh Viết T ngăn cản không cho tiếp tục sử dụng con đường này để vào đất và ông T cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố M đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H32099 ngày 07/01/2008).

Đường giao thông rộng 5,69m (tiếp giáp cạnh hướng đông thửa đất của bà A1) là đường đi chung duy nhất vào đất của bà A1 và các hộ dân xung quanh:

- Phạm Nữ Minh V1 (Chồng: Trương Thế V3) là chủ sử dụng thửa đất số 2951(B), tờ bản đồ số 02, diện tích 150m², tọa lạc tại khu 2, phường L2, thành phố M, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00037/CN QSDĐ ngày 16/11/2001).

- Nguyễn Tiến N là chủ sử dụng thửa đất số 2951 (B), tờ bản đồ số 02, diện tích 150m², tọa lạc tại khu 2, phường L2, thành phố M, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00039 QSDĐ ngày 16/11/2001).

- Lê Thị Ngọc A1, ngụ tại số 30 đường Đường L5, khu phố 5, phường L2, thành phố M, tỉnh Bình Dương:

Thửa đất số 61 (120), tờ bản đồ số 29-3, diện tích 157,5 m² tọa lạc tại khu phố 2, phường L2, thành phố M, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01757.QSDĐ ngày 22/9/2003).

Thửa đất số 139, tờ bản đồ số 29-3, diện tích 101,5 m² tọa lạc tại khu 2, phường L2, thành phố M, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06922 ngày 28/9/2005).

- Ông Vũ Xuân K2 là chủ sở hữu thửa đất số 61, tờ bản đồ số 29-3, diện tích 586,7 m² (chuyển nhượng lại cho Phạm Nữ Minh V1, Nguyễn Tiến N, Lê Thị Ngọc A1) trình bày tại thời điểm ông K2 mua thửa đất trên có con đường đất khoảng 5m đi vào. Sau này, bà Nguyễn Thị Thúy H cho rằng con đường đó thuộc quyền sở hữu của bà H nên bà A1 phải đổi đất cho bà H để được đi chung con đường và bà A1 phải bán lại lô đất trên cho các hộ dân khác.

Ngày 07/7/2015, bà A1 gửi đơn đề nghị xem xét thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H32099 ngày 07/01/2008 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) M cấp cho ông Huỳnh Viết T ngụ tại khu phố 2, phường L2, thành phố M do cấp trùng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 739.QSDĐ ngày

28/9/2004 cho bà Lê Thị Ngọc A1. Ngày 13/7/2015, Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Thông báo số 405/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại của bà A1.

Ngày 25/3/2016, Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Thông báo số 121/TB-UBND với nội dung thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H32099 ngày 07/01/2008 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) M cấp cho ông Huỳnh Viết T trái quy định pháp luật.

Ngày 22/12/2015, bà A1 gửi đơn đến Ủy ban nhân dân phường L2 và Ủy ban nhân dân thành phố M đề nghị can thiệp, ngăn chặn trả lại nguyên trạng đường đi vào khu dân cư do ông T chuẩn bị xây tường rào lấn vào đất của bà A1.

Ngày 12/01/2016, bà A1 phát hiện ông Huỳnh Viết T giải tỏa mặt bằng xây dựng hàng rào trên khu đất gia đình bà A1 đang trực tiếp quản lý sử dụng và đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 739.QSDĐ ngày 28/9/2004 nên gửi đơn xin ngăn chặn đến Ủy ban nhân dân phường L2.

Bà A1 không đồng ý với việc người khởi kiện ông Huỳnh Viết T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hủy Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Viết T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 34/2017/HC-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, khoản 2 Điều 79, 116, 134, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 18, Điều 37 Luật Khiếu nại; điểm d khoản 2, 3 Điều 106 Luật Đất đai 2013; điểm b, c khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Viết T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Viết T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/9/2017, người khởi kiện – ông Huỳnh Viết T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án yêu cầu sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ngày 19/9/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kháng nghị bản án số: 34/2017/HC-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, theo hướng hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ kiện theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Người khởi kiện, ông Huỳnh Viêt T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, vì Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét các chứng cứ ông cung cấp để xét xử, đất làm đường đi do gia đình ông mua và có xác nhận của chính quyền địa phương, con đường này không phải là đường do nhà nước quy hoạch, trên diện tích đất này nhà ông có trồng cây và xây dựng bức tường nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định kháng cáo của ông Huỳnh Viêt T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng như đã nêu trong kháng nghị cũng như chưa đánh giá đúng các tài liệu, chứng cứ nên giải quyết nội dung chưa phù hợp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của ông Huỳnh Viêt T và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 11/6/2018 Người bị kiện có đơn xin vắng mặt, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc A1 đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Ngày 23/8/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 3125/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Viêt T. Ngày 25/5/2017, ông Huỳnh Viêt T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3125 nêu trên. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kháng nghị về phần thủ tục tố tụng cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm như: Chưa bổ sung các Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ giữa Tòa án với các đương sự; chưa bổ sung Biên bản mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ

hoặc Biên bản hoãn phiên họp vào ngày 26/6/2017 theo Thông báo và Giấy triệu tập trước đó. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy những vi phạm nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm không làm thay đổi bản chất, nội dung vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm các thiếu sót trên.

[1.3] Đồng thời, Kháng nghị cho là Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M liên quan đến quyền lợi và Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người có tên trong Đơn xác nhận mua đất làm đường đi ngày 27/9/2007 gồm các hộ ông (bà) Nguyễn Văn N, Phạm Nữ Minh V1, Huỳnh Sinh V2 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M là quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông Huỳnh Viết T, trên cơ sở xem xét các tài liệu chứng cứ như Đơn xác nhận mua đất làm đường đi ngày 27/9/2007 có chữ ký các hộ liên kế. Các Đơn xác nhận này đều đã được Ủy ban nhân dân xã P1 (nay là phường L2) xác nhận. Do đó, việc không đưa những người có tên nêu trên vào tham gia tố tụng, cũng không làm thay đổi bản chất nội dung vụ án và quyết định bị kiện không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về phần kháng nghị nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không tổ chức cho các bên đương sự đối thoại để xác định làm rõ nguồn gốc, diện tích con đường. Tuy nhiên, Người bị kiện đã có văn bản trình bày ý kiến về vụ án và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đối thoại được là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 134, Điều 135 Luật tố tụng hành chính 2015.

Mặt khác, nội dung kháng nghị còn đề nghị: Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/08/2017, Tòa án cấp sơ thẩm xác định: “*hiện trạng trên đất có một bức tường gạch không tô 1,7 m x 33 m*” nhưng không xác định bức tường do ai xây, xây thời gian nào là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án cấp phúc thẩm sẽ xem xét, bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa cấp phúc thẩm đã bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể tại phiên tòa phúc thẩm xác định gia đình ông T đã xây dựng bức tường và các cây trên lối đi này.

[2.2] Xác định tính hợp pháp của Quyết định số 3125/QĐ-UBND

[2.2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Đối với phần diện tích đất bà Lê Thị Ngọc A1 khiếu nại Ủy ban nhân dân thành phố M về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H32099 ngày

07/01/2008 cho ông Huỳnh Viết T thừa đất số 158, tờ bản đồ 29-3 đã cấp chồng lên đường đi của các hộ dân.

Thực chất đây là việc tranh chấp lối đi chung mà các đương sự tranh chấp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/08/2017, Tòa án cấp sơ thẩm xác định: *“hiện trạng trên đất có một bức tường gạch không tô 1,7 m x 33 m”* và ông Huỳnh Viết T cũng khai rằng trên diện tích đất làm đường đi chung này ông có trồng một số cây bạch đàn và tầm vông. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013 thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp này do Tòa án nhân dân giải quyết.

Do đó, Thông báo số 121/TB-UBND ngày 25/3/2016 và Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M giải quyết khiếu nại của bà A1 và ông T đối với phần diện tích đất chồng lấn giữa hộ bà A1 và ông T là không đúng thẩm quyền.

Đối với phần diện tích đất ông T dùng để làm đường đi.

Căn cứ Kết luận của Thanh tra thành phố M tại Báo cáo số 08/BC-TTr ngày 13/01/2016, Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Thông báo số 121/TB-UBND ngày 25/3/2016 về việc thẩm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H32099 ngày 07/01/2008 cấp cho ông Huỳnh Viết T theo hướng thu hồi, huỷ bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cấp trái quy định pháp luật. Việc Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Thông báo 121 nêu trên là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2, 3 Điều 106 Luật Đất đai 2013; điểm b, c khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Không đồng ý với nội dung Thông báo trên, ông T khiếu nại.

Ngày 23/8/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 3125/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Viết T đối với Thông báo số 121/TB-UBND ngày 25/3/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố M là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, phù hợp với quy định tại Điều 126, Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2.2] Về nội dung của Quyết định số 3125/QĐ-UBND:

Xét nguồn gốc diện tích đất dùng để làm đường đi đang tranh chấp:

Theo Tờ ủy quyền sử dụng đất làm đường đi ngày 10/3/1990 giữa ông Huỳnh Viết T với ông Nguyễn Văn T1, được Ủy ban nhân dân xã P1 (nay là phường L2) xác nhận ngày 14/3/1990 với nội dung: *“Qua đơn xin ủy quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T1 (người trực canh), bà Nguyễn Thị Hồi (chủ đất, ngụ tại ấp Phú Lợi 1). Về đất do ông T1 đăng ký sử dụng. Điều kiện hiện nay ông T*

không có lối đi cần đất để mở con đường. Được sự thống nhất hai bên. Xét điều kiện thực tế. Nay Ủy ban nhân dân xã thuận theo đơn cho phép ông T1 nhượng 170m² (5m x 34m) để ông T sử dụng vào việc mở đường”.

Theo Tờ sang nhượng đất làm đường đi ngày 10/3/1990 của bà Trần Thị K1, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P1 (nay là phường L2) xác nhận ngày 14/3/1990 với nội dung: *“Qua đơn xin chuyển nhượng đất của bà Trần Thị K1, ngụ tại ấp Phú Lợi 1; Về nguồn gốc đất do bà K1 đăng ký sử dụng; Xét điều kiện ông Huỳnh Viết T cần lối đi lại vào nhà; Được sự thỏa thuận của 2 bên; Nay Ủy ban nhân dân xã thuận theo đơn xin cho phép bà K1 nhượng lại cho anh T3 diện tích 194,05m² (1,5m x 67,2m) để anh T3 sử dụng mở con đường”.*

Và theo Đơn xác nhận mua đất làm đường đi ngày 27/9/2007, trong đơn ông Huỳnh Viết T xác nhận đã đồng ý cho các hộ ông (bà) Nguyễn Văn N, Phạm Nữ Minh V1, Huỳnh Sinh V2 được cùng sử dụng chung, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường L2 ngày 10/10/2007 với nội dung: *“Qua đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T với chữ ký của ông và các hộ đi trên lối đi do ông T tự mở là ông Nguyễn Văn N, Phạm Nữ Minh V1, Huỳnh Sinh V2 và Nguyễn Thị N1 (vợ ông N) là đúng”.*

Mặt khác, tại Biên bản làm việc ngày 21/11/2007 về việc lấy ý kiến đề cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân phường L2 đã xác nhận: *“Nguồn gốc sử dụng: không thuộc quỹ đất công do xã quản lý, ông Huỳnh Viết T sử dụng từ năm 1990 có nguồn gốc chuyển nhượng lại của ông Nguyễn Văn T1, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đô thị”* (Bút lục 49).

Từ những tài liệu, chứng cứ trên, theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1, điểm h Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; có căn cứ xác định phần diện tích đất ông Huỳnh Viết T mở làm đường đi thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T và trường hợp của ông T đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Việc ông T đồng ý cho các hộ dân phía trong cụ thể là hộ các ông (bà) Nguyễn Văn N, Phạm Nữ Minh V1, Huỳnh Sinh V2 được cùng sử dụng đi chung trên con đường này là do ông T tự nguyện. Thực tế, ông T mở con đường này từ năm 1990 nhưng đến năm 2007, ông T mới có giấy xác nhận đồng ý cho các hộ dân phía trong đi chung. Nếu các hộ dân phía trong không có đường đi nào khác thì phải bồi hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất đối với phần diện tích dùng để làm lối đi này và cây trồng trên đất cho ông Huỳnh Viết T khi có yêu cầu của ông T.

Ủy ban nhân dân thành phố M cho rằng phần diện tích đất dùng để làm đường đi này không thuộc quyền sử dụng của ông Huỳnh Viết T để từ đó ban hành Thông báo số 121/TB-UBND ngày 25/3/2016 về việc thẩm tra Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số H32099 ngày 07/01/2008 cấp cho ông Huỳnh Viết T theo hướng thu hồi, huỷ bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cấp trái quy định pháp luật là không có căn cứ.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 bác khiếu nại của ông Huỳnh Viết T là không có cơ sở.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Huỳnh Viết T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Viết T.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M phải chịu.

Về án phí hành chính phúc thẩm: người khởi kiện, ông Huỳnh Viết T không phải chịu do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm d Khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1, điểm h Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương; Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Huỳnh Viết T; Sửa bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Viết T:

Hủy Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Viết T.

Về án phí hành chính sơ thẩm: người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M phải chịu 300.000 đồng. Hoàn lại cho ông T 300.000 đồng tiền tạm

ứng án phí hành chính sơ thẩm do bà Nguyễn Thị Thúy H nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0010672 ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự Bình Dương.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Huỳnh Viết T không phải chịu, hoàn lại cho ông T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm do bà Nguyễn Thị Thúy H nộp theo biên lai thu số AA/2016/0010672 ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự Bình Dương.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP Hồ Chí Minh(1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương(1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (1);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (1);
- Người khởi kiện(1);
- Người bị kiện(1);
- Lưu hồ sơ(1), VP(3), 13b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hòa Hiệp